TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2021
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hiền.

2. Ông Phạm Văn Nam.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm: 1985. Đăng ký thường trú: Ấp TL, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre. Chỗ ở hiện nay: Ấp BT, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Hồ Văn D, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Ấp TL, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Chị và anh Hồ Văn D quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2007, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/02/2009. Sau khi cưới, chị và anh D sống tại ấp TL, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 10/2015, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh D thường xuyên tham gia cờ bạc, chơi đá gà dẫn đến thiếu tiền người khác, vợ chồng bất đồng quan điểm về cuộc sống nên thường xuyên cãi vã. Khi

mâu thuẫn xảy ra chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh D không sửa đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ ngày 23/5/2021 chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột tại ấp BT, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị có gặp gỡ nhưng không thể hàn gắn đoàn tụ được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có một con chung tên Hồ Thị Thảo Nguyên, sinh ngày: 30/3/2008, hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi Dỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh D cấp Dỡng cho con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Hồ Văn D vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, anh D cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị L được ly hôn với anh D.

+ Về con chung: Chị L và anh D có một con chung tên Hồ Thị Thảo Nguyên, sinh ngày: 30/3/2008. Chị L được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi Dỡng con chung là Hồ Thị Thảo Nguyên, ghi nhận chị L không yêu cầu anh D cấp Dỡng cho con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Thùy L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị với anh Hồ Văn D có nơi cư trú tại ấp TL, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hồ Văn D đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Hồ Văn D theo quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Hồ Văn D tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/02/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh D được xem là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị L cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh D không hạnh phúc do anh D thường xuyên tham gia cờ bạc, chơi đá gà, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh D không sửa đổi, giữa anh chị có sự khác biệt về quan điểm sống dẫn đến việc thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ ngày 23/5/2021 đến nay, chị L và anh D ly thân, không ai quan tâm gì đến ai, anh chị không thể hàn gắn đoàn tụ được. Quá trình Tòa án giải quyết, anh D không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa anh và chị L, cũng như anh D không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh D đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh D có một con chung tên Hồ Thị Thảo Nguyên, sinh ngày: 30/3/2008. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi Dỡng Hồ Thị Thảo Nguyên, không yêu cầu anh D cấp Dỡng cho con.

Xét thấy, khi được Tòa án lấy ý kiến thì cháu Nguyên có nguyện vọng được sống cùng chị L sau khi chị L và anh D ly hôn, ý kiến của cháu là tự nguyện, không bị ai ép buộc; yêu cầu của chị L cũng phù hợp với nguyên vọng của cháu Nguyên. Cháu Nguyên sống cùng với chị L từ khi chị L và anh D sống ly thân cho đến nay, chị L cũng đảm bảo tốt việc nuôi Dỡng con. Anh D vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thưởng của cháu Nguyên cả về thể chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử chấp

nhận yêu cầu của chị L, giao con là Hồ Thị Thảo Nguyên cho chị L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi Dõng.

Về cấp Dõng cho con: Chị L không yêu cầu anh D cấp Dõng cho con nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh D vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh D về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy L, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn với anh Hồ Văn D.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Hồ Văn D có một con chung tên Hồ Thị Thảo Nguyên, sinh ngày: 30/3/2008.

Chị Nguyễn Thị Thùy L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi Dõng con chung là Hồ Thị Thảo nguyên.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Thùy L không yêu cầu anh Hồ Văn D cấp Dõng cho con.

Anh Hồ Văn D có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Hồ Văn D lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi

Dỡng con thì chị Nguyễn Thị Thùy L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Hồ Văn D.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp Dỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Hồ Văn D không tranh chấp tài sản chung nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Hồ Văn D không có nợ chung nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007076 ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị Nguyễn Thị Thùy L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã AT;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.